

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày: 26 – 4 – 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiệp.
- Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Dương Lý K.**

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T.**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12-01-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Lý K trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là chủ hộ, bà Dương Lý K là hộ viên. Bà K tham gia 02 dây hộ, loại hộ tháng, nay bà T còn nợ bà K tổng cộng số tiền là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- Dây hộ 1: Mở vào ngày 15-02-2023, giá 1.000.000 đồng/phần; gồm 26 phần, mỗi tháng bà T thu tiền một lần vào ngày 25 âm lịch. Bà K tham gia 05 phần. Lần khai hộ thứ 10 vào ngày 08-11-2023, bà K lĩnh hộ, nhưng bà T không giao tiền. Bà T còn nợ bà K 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Dây hộ thứ 2: Mở vào ngày 06-8-2023, giá 2.000.000 đồng/phần; có 27 phần, mỗi tháng bà T thu tiền một lần. Bà K tham gia 05 phần. Bà K góp hộ được 04 lần thì bà T tuyên bố bế hộ, nên bà T còn nợ bà K. Bà K đồng ý cho bà T trả lại số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 13-12-2023, bà T nói với bà K là bà không có khả năng chi trả tiền hộ, nên bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho bà K số tiền hộ tổng cộng là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Do bà T làm chủ hộ, chồng của bà T không liên quan nên bà K chỉ yêu cầu bà T trả nợ.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20-3-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Dương Lý K. Hiện nay bà T còn nợ bà K 02 dây hộ với số tiền là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) như bà K trình bày. Do hoàn cảnh hiện nay của bà T rất khó khăn, nên bà T xin trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 75.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hộ, do bị đơn cư trú ấp Đ, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định

tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau về chủ hội, phần hội, kỳ mở hội, thể thức góp và lãnh hội, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia, việc chuyển giao phần hội, số tiền hội. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Bà K là hội viên của 02 dây hội tháng, do bà T làm chủ hội. Bà K tham gia mỗi dây là 05 phần; dây hội mở vào ngày 15-02-2023 có giá 1.000.000 đồng/phần, có 26 phần, bà T còn nợ bà K số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và hội mở vào ngày 06-8-2023, giá 2.000.000 đồng/phần, có 27 phần, bà T còn nợ bà K là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Đồng thời, bà T cũng thừa nhận còn nợ bà K 75.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định bà T còn nợ bà K là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

[2.2] Xét thấy, bà T là chủ hội, đã tuyên bố bẽ hội nhưng đến nay bà T chưa giao tiền hội cho bà K là bà T đã vi phạm nghĩa vụ chủ hội vì không thu phần hội của các thành viên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Do đó, bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền hội còn nợ.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà T phải trả cho bà K số tiền hội tổng cộng là 75.000.000 đồng. Bà T xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng là 2.000.000 đồng, vì hiện nay hoàn cảnh của bà T rất khó khăn, nhưng bà K không đồng ý mà yêu cầu phải trả ngay, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[3] Do đó, yêu cầu của bà K và lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Do bà T có trách nhiệm trả tiền hội của bà K, nên bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là: 75.000.000 đồng x 5% = 3.750.000 đồng.

[4.2] Bà K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên trả lại cho bà K tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Dương Lý K số tiền hội tổng cộng là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), trong đó bao gồm:

- Dây hội mở vào ngày 15-02-2023; hội giá 1.000.000 đồng/phần; bà T phải trả cho bà K là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Dây hội mở vào ngày 06-8-2023, hội giá 2.000.000 đồng/phần, bà T phải trả cho bà K là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Dương Lý K cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho nguyên đơn bà Dương Lý K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.875.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000194 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh